

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 542/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Nhân

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 374/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp A, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Lưu Văn H tổ chức lễ cưới vào ngày 10 tháng 10 năm 1994, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không

thể dung hòa, việc làm ăn thất bại nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái và hạnh phúc gia đình. Bà M xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông H không còn nữa. Về con chung vợ chồng có một con chung tên Lưu Thị Tuyết H, sinh năm 1996 đã trưởng thành và có gia đình riêng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ.

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn H; Về con chung: có một con chung là Lưu Thị Tuyết H, sinh năm 1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có; Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Lưu Văn H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý cũng không có ý kiến phản bác các yêu cầu của bà M.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Văn H vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Lưu Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H không đến và vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do; Nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Xét việc bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, hôn nhân giữa bà M và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian ông, bà chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiền nói chung, không có sự thông cảm cho nhau, thời gian ly thân đã lâu. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần nhằm giúp cho hai bên có cơ hội đoàn tụ và cho hai bên có thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng ông, bà vẫn không trở về được. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy giữa bà M với ông H có chung một con chung tên là Lưu Thị Tuyết H, sinh năm 1996, đã trưởng thành, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà M trình bày không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

[5]Về nợ chung: Bà M trình bày không có, bị đơn không có ý kiến nên không xem xét.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010101 ngày 07-8-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[7]Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

1/Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lưu Văn H.

2/Về con chung: Giữa bà M với ông H có chung một con chung tên là Lưu Thị Tuyết H, sinh năm 1996, đã trưởng thành.

3/Về tài sản chung: Bà M trình bày không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến phản bác nên không xem xét.

4/Về nợ chung: Bà M trình bày không có, bị đơn không có ý kiến nên không xem xét.

5/Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010101 ngày 07-8-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Lưu Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, được tính kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Minh Thiết